

Bản án số: **90/2024/DS-ST**
Ngày: 06/6/2024
V/v T/C Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/5/2024, 02/4/2024 và 06/6/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 502/2023/TLST-DS, ngày 28/12/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-DS ngày 24/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2024/QĐST-DS ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Bé N**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hoa L** (D), sinh năm 1971 (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú từ ngày 20/5/2024 tại địa chỉ: ấp L, xã L, Thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Bé N trình bày:

Bà N là chủ hụi, vợ chồng bà L và ông N1 là hụi viên cũng tham các dây hụi như sau:

Dây 1: Hụi tháng 5.000.000 đồng, khai ngày 16/12/2021 âm lịch, có 22 phần, bà L và ông N1 tham gia 01 phần (tên trong danh sách hụi là Dung N2), khi hụi khai đến lần thứ 2 thì bà L hốt hụi, bà N đã giao đủ tiền hụi hốt cho bà L, ông N2 xong (có làm biên nhận để nhằm hụi ngày 16/02/2021 âm lịch). Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà L có đóng tiền hụi chết cho bà N đến lần khai thứ 17 thì ngưng không đóng nữa, bà N phải đóng thay cho vợ chồng bà L từ lần khai thứ 18 cho đến mãn hụi là 05 lần là 5.000.000 đồng x 5 lần = 25.000.000 đồng. Hụi này đã mãn.

Dây 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 10/2/2023 âm lịch (khai vào tháng 02 trước của năm 2023 do có nhuận hai tháng 02), có 21 phần, bà L và ông N1 tham gia 01 phần (tên trong danh sách hụi là Dung N). Vợ chồng bà L hốt hụi ở lần khai hụi đầu tiên, bà N đã giao đủ tiền hụi hốt cho bà L, ông N2 xong (có làm biên nhận). Sau khi hốt hụi thì vợ chồng bà L có đóng tiền hụi chết cho bà N đến lần khai thứ 7 (đến tháng 07/2023 âm lịch) thì ngưng không đóng nữa, bà N phải đóng thay cho vợ chồng bà L 02 lần vào lần khai thứ 8, 9 (vào tháng 8 và tháng 9/2023 âm lịch), là 2.000.000 đồng x 2 lần = 4.000.000 đồng. Dây hụi này chưa mãn, bà L và ông N1 còn 12 lần nữa chưa đóng, bà N sẽ khởi kiện sau.

Tổng cộng số tiền bà N đã đóng tiền hụi chết thay là 29.000.000 đồng, bà N đã yêu cầu vợ chồng bà L trả cho bà N nhiều lần nhưng đến nay bà L, ông N2 vẫn không trả.

Nay bà Đặng Thị Bé N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Hoa L (D) và ông Nguyễn Văn N1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N tiền nợ hụi là 29.000.000 đồng.

Đối với các bị đơn bà Nguyễn Thị Hoa L (D), ông Nguyễn Văn N1: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L và ông N1 nhưng bà L và ông N1 không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của ông bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Các bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, tại phiên tòa các bị đơn bà Nguyễn Thị Hoa L (D), ông Nguyễn Văn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu giải quyết số nợ hui tính đến này khởi kiện là 29.000.000 đồng thay vì tính đến ngày xét xử. Xét thấy việc thay đổi này là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu như trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà N cho rằng, bà L và ông N1 là hui viên đã tham gia 02 dây hui tháng do bà N làm chủ hui nêu trên. Bà L và ông N1 đã hốt tất cả 02 dây hui nhưng không đóng đầy đủ hui chết cho bà N. Tính đến ngày khởi kiện, số tiền hui bà còn nợ bà N là 29.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L và ông N1 nhưng bà L và ông N1 không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hơn nữa, nguyên đơn có cung cấp danh sách hui viên, các giấy biên nhận đã giao tiền hui có bà L (D) ký tên. Đồng thời qua xác minh đối với bà Phan Thị D1, bà Đinh Thị T, bà Phạm Thị N3 là những người cùng tham gia dây hui với bà L (D), ông N2. Các bà đều xác nhận bà L, ông N1 có tham gia 02 dây hui (mở ngày 10/02/2023 âm lịch, ngày 16/12/2021 âm lịch) do bà Bé N làm đầu thảo và đã hốt. Qua đối chiếu danh sách hui cũng như các giấy biên nhận giao tiền hui có ký tên bà D1 thể hiện bà Bé N đã giao đủ số tiền 02 dây hui cho bà L (D1).

Hội đồng xét xử cho rằng Hợp đồng góp hui giữa bà N và bà L, ông N1 được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hui, bà L và ông N1 đã vi phạm nghĩa vụ, không đóng đủ tiền hui chết cho chủ hui như đã thỏa thuận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phùng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[3] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên các bị đơn bà Nguyễn Thị Hoa L (D1), ông Nguyễn Văn N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 29.000.000 đồng x 5% = 1.450.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị Hoa L (D), ông Nguyễn Văn N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Bé N số tiền nợ hội là 29.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đặng Thị Bé N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Hoa L (D1), ông Nguyễn Văn N1 còn phải có trách nhiệm trả lãi cho bà Đặng Thị Bé N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hoa L (D1) và ông Nguyễn Văn N1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.450.000 đồng.

Bà Đặng Thị Bé N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 720.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001084 ngày 28/12/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa